

THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH***Hướng dẫn tạm thời việc xây dựng kế******hoạch báo cáo thực hiện kế hoạch và quyết toán tài chính xí nghiệp quốc doanh***

Thi hành Quyết định số 144/HĐBT ngày 10 tháng 5 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về chấn chỉnh quản lý tài chính XNQD, Bộ Tài chính hướng dẫn tạm thời nội dung lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch và quyết toán tài chính của Xí nghiệp quốc doanh như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Những loại hình xí nghiệp thuộc phạm vi hướng dẫn của văn bản này là tất cả những đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập như: Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh bao gồm cả quốc doanh lâm nghiệp thủy sản, nông trường và trạm trại hạch toán kinh tế, công ty thương nghiệp dịch vụ, công ty xây lắp bao thầu, công ty xuất nhập khẩu, các Ngân hàng chuyên doanh các đơn vị kinh doanh thuộc ngân hàng, những loại hình xí nghiệp thuộc ngành bưu điện, vận tải đường bộ, đường thủy, đường sắt, hàng không, dưới đây gọi tắt là xí nghiệp quốc doanh.

2. Kế hoạch tài chính là một bộ phận thống nhất và được xây dựng đồng thời với kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính - xã hội của xí nghiệp quốc doanh. Thông qua các chỉ tiêu tài chính tổng hợp xem xét đánh giá tính đồng bộ tính hiệu quả của kế hoạch của xí nghiệp quốc doanh.

3. Lập kế hoạch tài chính xí nghiệp quốc doanh bao gồm kế hoạch thu chi tài chính, trong đó phải thể hiện rõ việc huy động các nguồn vốn trong nước và nước ngoài và phương án biện pháp trả nợ các nguồn vay, nguồn vốn tham gia, hợp tác liên doanh với trong và ngoài nước và hiệu quả mang lại, kế hoạch nộp ngân sách nhà nước, kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ xí nghiệp được lập theo kế hoạch tài chính dài hạn kế hoạch tài chính trung hạn và kế hoạch tài chính năm.

4. Kế hoạch tài chính năm là một bộ phận cấu thành hữu cơ của kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch tài chính dài hạn.

Xí nghiệp chủ động tiếp cận thị trường, tìm hiểu nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng, ký các hợp đồng về cung ứng vật tư nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm, mở rộng quy mô sản xuất tăng thêm sản phẩm hàng hoá với chất lượng cao, hạ giá thành và phí tăng tích lũy cho xí nghiệp đồng thời tăng thu nộp cho ngân sách Nhà nước.

5. Xí nghiệp có nghĩa vụ đăng ký sản xuất kinh doanh và trực tiếp nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác đúng luật, đúng chính sách chế độ đối với cơ quan tài chính Nhà nước.

Xí nghiệp phải thực hiện đúng "Pháp lệnh kế toán và thống kê" do Hội đồng nhà nước công bố theo Lệnh số 06-LCT/HĐNN ngày 20-5-1989 "Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước" ban hành theo nghị định số 25-HĐBT, ngày 18-3-1989 của Hội đồng Bộ trưởng "Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất" ban hành theo Quyết định số 212-TC/CĐKT ngày 25-12-1989 của Bộ Tài chính, "Chế độ ghi chép ban đầu" ban hành theo Quyết định số 583-LB ngày 01 tháng 9 năm 1967 của Liên bộ Tài chính - Tổng cục Thống kê, "Sửa đổi bổ sung chế độ ghi chép ban đầu" của Quyết định số 583-LB ban hành theo Quyết định số 200-PPCĐ ngày 24 tháng 3 năm 1983 của Tổng cục thống kê.

Các xí nghiệp quốc doanh căn cứ vào chế độ báo cáo và hệ thống chỉ tiêu dưới đây lập kế hoạch tài chính và báo cáo tình hình thực hiện đến cơ quan tài chính và cơ quan cấp trên của xí nghiệp.

II. NHỮNG CHỈ TIÊU TỔNG HỢP CỦA KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH:

1. Công nghiệp quốc doanh Biểu 01-CN

a) Giá trị sản lượng hàng hoá thực hiện:

Tính giá trị sản lượng hàng hoá đã xuất kho thành phẩm để tiêu thụ và đã nhận được giấy báo trả tiền của Ngân hàng và giá trị hàng hoá tiêu thụ đã được chấp nhận trả tiền.

Giá để tính là giá bán buôn hoặc giá thực thu.

Đối với ngành giao thông vận tải là giá trị vận chuyển hành khách hàng hoá thu được trong kỳ tính từ giá cước vận chuyển.

b) Sản lượng sản phẩm hàng hoá:

Sản lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ trong kỳ kế hoạch trong đó phân ra sản lượng sản phẩm được Nhà nước giao chỉ tiêu và cân đối vật tư nguyên liệu và sản lượng sản phẩm giao xuất khẩu.

Trong ngành giao thông vận tải là khối lượng vận chuyển hành khách hàng hoá tính theo 1000 hành khách hoặc 1000 tấn và triệu hành khách cây số hoặc triệu tấn cây số.

Xí nghiệp chủ động bố trí kế hoạch theo hợp đồng kinh tế cụ thể ký với khách hàng ngoài phần sản lượng sản phẩm theo đơn đặt hàng của Nhà nước, theo quy cách kích cỡ và địa chỉ tiêu thụ được chỉ định. Về tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá theo quy định của Ủy ban Khoa học - Kỹ thuật và ngành chủ quản.

c) Doanh thu bán hàng:

Doanh thu của sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ kế hoạch, trong đó doanh thu hàng xuất khẩu. Doanh thu bán hàng ghi rõ tiền Việt và ngoại tệ (nếu có).

Doanh thu bán hàng phải phản ánh được toàn bộ doanh thu sản xuất kinh doanh chính, doanh thu của các bộ phận sản xuất kinh doanh dịch vụ khác kể cả hợp tác kinh doanh với các xí nghiệp bạn và các thành phần kinh tế khác của xí nghiệp.

Trường hợp bộ phận sản xuất kinh doanh dịch vụ khác trực thuộc xí nghiệp là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập có tư cách pháp nhân có đăng ký và trực tiếp làm nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước với cơ quan tài chính thì đơn vị này cũng lập theo cùng biểu mẫu này gửi cơ quan tài chính.

d) Giá thành sản phẩm:

Tổng giá thành và giá thành sản phẩm hàng hoá, hạch toán theo đúng chính sách chế độ hiện hành của Nhà nước, theo tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật; các định mức lao động - tiền lương, định mức tiêu hao vật tư nguyên nhiên vật liệu do Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh hay cơ quan chủ quản ban hành.

Trường hợp một số sản phẩm hàng hoá nhất định là những sản phẩm hàng hoá mới sản xuất đã qua giai đoạn sản xuất thử mà nhà nước chưa kịp ban hành và công bố tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật nhưng thị trường chấp nhận giá bán và có nhu cầu tiêu thụ thì tạm thời xí nghiệp được thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật của mình để hạch toán giá thành với sự thoả thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý định mức.

Khấu hao tài sản cố định tính theo giá trị tài sản đã kiểm kê được định giá theo Quyết định số 101-HĐBT ngày 1-8-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Những máy móc thiết bị mua sau ngày 01-01-1990 tính theo giá trị thực mua.

Trong tình hình còn có trượt giá trong nền kinh tế quốc dân, xí nghiệp phải chủ động có phương án tính toán và hạch toán bảo tồn giá trị nguồn vốn cố định, nguồn vốn lưu động của xí nghiệp, trước hết phải duy trì và bảo tồn đầy đủ nguồn vốn ngân sách Nhà nước giao cho xí nghiệp quản lý sử dụng.

Tích cực sắp xếp lại tổ chức sản xuất hợp lý, bộ máy quản lý mạnh gọn nhẹ, thực hiện tiết kiệm trong chi tiêu để thiết thực góp phần giảm giá thành sản phẩm hàng hoá.

Phản ánh đầy đủ hợp lý giá thành và chi phí của các bộ phận sản xuất kinh doanh dịch vụ khác trực thuộc xí nghiệp.

e) Thuế:

Tính đủ mức thuế theo luật, chính sách chế độ hiện hành của Nhà nước.

Lợi nhuận = Doanh thu - giá thành - thuế

Chú giải:

Biểu 01-CN áp dụng chung cho tất cả các loại hình xí nghiệp công nghiệp quốc doanh của các ngành: công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, hoá chất, năng lượng, lâm nghiệp, thủy sản, văn hoá, y tế, giáo dục, giao thông vận tải, bưu điện v.v..

2. Nông trường trạm trại Biểu 01-NTTT

Về nguyên tắc, công tác quản lý đối với nông trường quốc doanh và trạm trại nông nghiệp hạch toán kinh tế độc lập không khác với công tác quản lý tài chính đối với xí nghiệp công nghiệp công nghiệp quốc doanh.

Để tạo sự ổn định trong sản xuất - kinh doanh của các quốc doanh nông nghiệp cùng với xoá bỏ bao cấp gắn sản xuất với thị trường hàng hoá cần mở rộng và thực hiện bảo hiểm cây trồng và vật nuôi. Phí bảo hiểm được hạch toán vào giá thành sản phẩm. Ngành bảo hiểm không tính lãi và cũng không lỗ trong bảo hiểm cây trồng và vật nuôi. Xoá chế độ cấp bù thiên tai theo cơ chế bao cấp, vừa không giải quyết được hết khó khăn của cơ sở vừa không hợp lý và khó quản lý.

3. Thương nghiệp dịch vụ Biểu 01-TNDV

xây lắp bao thầu Biểu 01-XLBT

Phương pháp phân tích và hạch toán cũng giống như phương pháp đối với xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.

4. Ngân hàng chuyên doanh

Các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc hệ thống ngân hàng Nhà nước gồm các ngân hàng chuyên doanh kinh doanh tín dụng là dạng kinh doanh đặc thù có các chỉ tiêu phù hợp nội dung nghiệp vụ kinh doanh yêu cầu biểu mẫu riêng, còn các đơn vị sản xuất kinh doanh khác dùng chỉ tiêu và biểu mẫu của các ngành tương ứng như chỉ tiêu, biểu của xí nghiệp nông nghiệp quốc doanh, xây lắp bao thầu...

Biểu mẫu của ngân hàng chuyên doanh:

Cân đối kế hoạch tín dụng tổng hợp Biểu số 01-NH

Kế hoạch thu nhập - chi phí - lợi nhuận Biểu 02a-NH

Báo cáo thực hiện kế hoạch thu nhập chi phí - lợi nhuận Biểu 02b-NH

Biên chế - quỹ lương - thu nhập phân phối Biểu 03- NH

Lợi nhuận và trích lập quỹ xí nghiệp Biểu 04 -NH

Các nội dung chỉ tiêu khác dùng biểu mẫu của xí nghiệp công nghiệp quốc doanh: kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản Biểu 02-CN - nguồn vốn cố định Biểu 03a-CN- khấu hao tài sản cố định Biểu 04-CN - báo cáo thanh toán với ngân sách Nhà nước Biểu 07-CN

5. Xuất nhập khẩu ký hiệu A Biểu số 01a-XNK

Xuất nhập khẩu ký hiệu B Biểu 01b-XNK

Ký hiệu A - Đơn vị xuất nhập khẩu theo nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước là chủ yếu:

Ký hiệu B - Đơn vị xuất nhập khẩu tự hạch toán tự thanh toán.

Biểu 01a-XNK

Xuất khẩu theo kế hoạch Nhà nước - xuất theo nghị định thư, xuất trả nợ khu vực 1, trả nợ khu vực 2. Số ngoại tệ RCN và USD Nhà nước quản lý toàn bộ tương ứng tổng số ngoại tệ của từng mặt hàng xuất khẩu cộng lại tại biểu 02-XNK, Tiền Việt = thu mua hàng xuất khẩu theo kế hoạch Nhà nước cộng (+) phí trong nước mua hàng xuất khẩu theo kế hoạch Nhà nước bằng (=) tổng số tiền Việt Nhà nước phải thanh toán của Biểu 02-XNK.

Nhập khẩu theo kế hoạch nhà nước - Nhà nước nhận thanh toán toàn bộ số ngoại tệ dùng để nhập hàng và thu toàn bộ số tiền bán hàng nhập khẩu sau khi đã trừ thuế hàng nhập đơn vị đã nộp và trừ phí lưu thông trong nước và ngoài nước (nếu có) bằng (=) số tiền phản ánh tại cột 9 Biểu 03-XNK - bán vật tư hàng hoá nhập khẩu theo kế hoạch Nhà nước.

Hoạt động xuất nhập khẩu tự doanh theo hình thức xuất nhập khẩu trực tiếp, xuất nhập khẩu uỷ thác, liên doanh liên kết xuất nhập khẩu, cung ứng hàng hoá xuất khẩu... ngoài phần xuất nhập khẩu, theo nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước giao - gọi tắt là xuất nhập khẩu tự doanh.

Xuất nhập khẩu "tự doanh" phải phản ánh hết kim ngạch ngoại tệ xuất, kim ngạch ngoại tệ nhập kỳ kế hoạch khi đã có giấy báo ngoại tệ tại tài khoản ở Ngân hàng ngoại thương. Tuyệt đối cấm các hoạt động trực tiếp đổi hàng với khách hàng nước ngoài dưới bất kỳ hình thức nào không có giấy phép (quota) của Bộ thương nghiệp và không thanh toán qua ngân hàng Ngoại thương.

Đối với hoạt động xuất nhập khẩu tự doanh, đơn vị phản ánh đầy đủ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ khác của các bộ phận trực thuộc kể cả dưới các danh nghĩa khác nhau như công đoàn, thanh niên, ban đời sống... Trường hợp bộ phận trực thuộc là cơ sở hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân có đăng ký với cơ quan tài chính thì các cơ sở này cũng làm báo cáo theo cùng biểu mẫu quy định tại văn bản này để gửi cơ quan tài chính.

Các khoản lợi nhuận thuế, phải nộp của hoạt động tự doanh, sản xuất kinh doanh, dịch vụ khác đều được phản ánh vào Biểu 07-XNK khoản nào hạch toán và thanh toán bằng ngoại tệ thì đơn vị nộp ngân sách Nhà nước bằng ngoại tệ.

Biểu 01b-NXB

Dùng cho các công ty hoạt động XNK hoàn toàn theo cơ chế tự doanh, Nhà nước không giao nhiệm vụ xuất nhập khẩu theo nghị định thư ký với các nước.

Quan hệ với ngân sách Nhà nước.

Bán cho Nhà nước một tỷ lệ ngoại tệ nhất định trên tổng kim ngạch ngoại tệ xuất khẩu thu về được Nhà nước thanh toán lại tiền Việt theo tỷ lệ giá do ngân hàng Ngoại thương công bố, theo thông tư hướng dẫn chế độ bán ngoại tệ nghĩa vụ cho quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước số 54-TC/TCĐN ngày 22-11-89 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quyết định số 218/CT ngày 18-8-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Nộp thuế xuất nhập khẩu và các loại theo luật của Nhà nước.

Nộp 60% (sáu mươi phần trăm) lợi nhuận thực hiện vào NSNN theo văn bản số 695-TC/TCTN ngày 12-5-1990 của Bộ Tài Chính.

Lợi nhuận được tính:

Khâu xuất - doanh thu hàng xuất - giá mua hàng xuất - chi phí hàng xuất - thuế hàng xuất.

Khâu nhập - Doanh thu hàng nhập - giá mua hàng nhập - chi phí hàng nhập - thuế hàng nhập.

Theo phương thức tính này, chênh lệch giá hàng xuất hàng nhập - là chênh lệch giữa giá ký hợp đồng với giá thực tế thanh toán và giá thực tế thực hiện.

Khoản nào đơn vị hạch toán và thanh toán bằng ngoại tệ thì nộp các khoản vào ngân sách Nhà nước bằng ngoại tệ.

Phản ánh đầy đủ vào biểu, tổng kim ngạch ngoại tệ xuất khẩu thu về được trong kỳ kế hoạch, toàn bộ chi phí để làm hàng xuất khẩu bằng ngoại tệ và tiền Việt trong cùng kỳ kế hoạch, số ngoại tệ bán cho Nhà nước tương ứng số tiền Việt thu về.

Kim ngạch ngoại tệ đã được sử dụng để nhập hàng về cùng chi phí về ngoại tệ và tiền Việt cho việc nhập hàng. Doanh thu bán hàng cả tiền Việt và ngoại tệ cùng chi phí bán hàng của cùng kỳ kế hoạch.

Ngoài hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, phản ánh đầy đủ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ khác của tất cả các bộ phận trực thuộc dưới dạng hình hoạt động kinh doanh khác nhau của đơn vị: trong trường hợp bộ phận trực thuộc là đơn vị kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập có tư cách pháp nhân thì các đơn vị này cũng lập báo cáo theo cùng biểu mẫu gửi cơ quan tài chính.

6. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản Biểu 02-C/C

Biểu 02-C/N được áp dụng chung cho tất cả các loại hình xí nghiệp quốc doanh:

Phản ánh hết các nguồn vốn huy động vào đầu tư xây dựng cơ bản công trình.

Làm đầy đủ thủ tục quyết toán công trình hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

Xác định giá trị công trình trong đó phân tích cụ thể số vốn đầu tư của từng nguồn để bổ sung vốn cố định của xí nghiệp và làm căn cứ tính khấu hao thu hồi vốn trả cho từng nguồn vốn đã được huy động đầu tư cho công trình.

Xác định năng lực sản xuất tăng thêm để có kế hoạch huy động vào sản xuất kinh doanh. Trong trường hợp năng lực sản xuất mới đầu tư không khớp nhiệm vụ thiết kế và luận chứng kinh tế - kỹ thuật được duyệt thì thuyết minh rõ lý do.

Cân đối lại kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính trong kỳ kế hoạch do được bổ sung năng lực sản xuất mới.

7. Nguồn vốn cố định Biểu 03a-CN

Nguồn vốn lưu động Biểu 03b-CN

Khấu hao tài sản cố định Biểu số 04-CN

Biên chế-quỹ lương-thu nhập Biểu 05-CN

Trích lập quỹ xí nghiệp Biểu 06-CN

Báo cáo thanh toán với ngân sách NN Biểu 07-CN

Là những biểu mẫu áp dụng chung cho tất cả các loại hình xí nghiệp quốc doanh.

Ngoài ra tất cả các loại hình quốc doanh có sản phẩm xuất khẩu, có thu chi ngoại tệ đều phải lập và báo cáo theo 2 biểu 04-XNK và 07-XNK.

8. Tiêu thụ sản phẩm xuất nhập khẩu tự doanh Biểu 01c-XNK

Dùng cho loại hình xuất nhập khẩu B và phần tự doanh của loại hình xuất nhập khẩu A.

Kế hoạch cấp tiền hàng xuất Biểu 02-XNK

Dùng cho loại hình xuất nhập khẩu A

Kế hoạch thu nộp tiền hàng nhập Biểu 03-XNK

Dùng cho loại hình xuất nhập khẩu A

Kế hoạch thu chi ngoại tệ Biểu 04-XNK

Dùng cho loại hình xuất nhập khẩu A và B và tất cả các loại hình quốc doanh có thu chi ngoại tệ.

Biên chế - quỹ lương - thu nhập Biểu 05-XNK

Dùng cho loại hình xuất nhập khẩu A và B

Tình hình kinh doanh xuất nhập khẩu Biểu 06-XNK

Dùng cho loại hình xuất nhập khẩu A và B

Tình hình thanh toán với ngân sách Biểu 07-XNK

Dùng cho loại hình xuất nhập khẩu A và B và tất cả các loại hình quốc doanh có thu chi ngoại tệ.

Biểu trích lập quỹ xí nghiệp dùng biểu 06-CN chung cho tất cả 2 loại hình xuất nhập khẩu A và B.

III. LẬP VÀ BÁO CÁO KẾ HOẠCH - BÁO CÁO TÌNH HÌNH

THỰC HIỆN VÀ QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH

Lập và báo cáo kế hoạch, báo cáo tình hình thực hiện theo cùng nội dung của hệ thống chỉ tiêu trên. Riêng về kế hoạch tài chính năm với hệ thống chỉ tiêu trên lập theo 5 cột như sau: chỉ tiêu - đơn vị tính - thực hiện 9 tháng - ước thực hiện cả năm - kế hoạch năm sau.